

Số: 746/QĐ-KHTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định, định mức học phí đào tạo sau đại học năm học 2021-2022

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quy định về Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08/10/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo”;

Căn cứ Quyết định số 520/QĐ-ĐHCN ngày 19/7/2016 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN;

Căn cứ “Quy chế đào tạo Thạc sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội” ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ công văn số 2965/ĐHQGHN-KHTC ngày 05/10/2021 về việc “Hướng dẫn thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021”;

Căn cứ Tờ trình ngày 6/10/2021 về việc “Định mức học phí thu trong năm học 2021 -2022” của các Phòng Kế hoạch - Tài chính, Công tác Sinh viên, Đào tạo;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch – Tài chính,

### QUYẾT ĐỊNH:

#### Điều 1. Định mức học phí đào tạo thạc sĩ

1.1. Định mức học phí đào tạo thạc sĩ, bao gồm cả các học viên đang trong thời gian đào tạo kéo dài là:

STT	Đơn vị tính	Định mức học phí (đồng)
1	1 tháng	1.755.000
2	1 năm học (10 tháng)	17.550.000
3	1 tín chỉ	548.000

Áp dụng cho các hình thức: học lần đầu, học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do. Định mức học phí học ngoài giờ hành chính bằng với học trong giờ hành chính cho cả 4 trường hợp (học lần đầu, học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do).

1.2. Định mức học phí cho các học viên có quốc tịch nước ngoài (trừ học viên có quốc tịch Lào và Campuchia) là:

\* Học lần đầu, tính theo niên chế: 4.387.500 đồng/tháng (hoặc 43.875.000 đồng/năm học gồm 10 tháng).

\* Học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do tính theo tín chỉ, cùng định mức như học viên Việt Nam.

## **Điều 2. Định mức học phí đào tạo tiến sĩ**

2.1. Định mức học phí đào tạo tiến sĩ, bao gồm cả các nghiên cứu sinh đang trong thời gian đào tạo kéo dài là:

STT	Đơn vị tính	Định mức học phí (đồng)
1	1 tháng	2.925.000
2	1 năm học (10 tháng)	29.250.000
3	1 tín chỉ	892.000

Áp dụng cho các hình thức: học lần đầu, học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do. Định mức học phí học ngoài giờ hành chính bằng với học trong giờ hành chính cho cả 4 trường hợp (học lần đầu, học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do).

2.2. Định mức học phí cho các nghiên cứu sinh có quốc tịch nước ngoài (trừ nghiên cứu sinh có quốc tịch Lào và Campuchia) là:

\* Học lần đầu, tính theo niên chế: 7.312.500 đồng/tháng (hoặc 73.125.000 đồng/năm học gồm 10 tháng).

\* Học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do tính theo tín chỉ, cùng định mức như học viên Việt Nam.

**Điều 3.** Định mức học phí của học viên, nghiên cứu sinh người Lào/Campuchia không theo diện hiệp định: thực hiện theo Quyết định số 1307/QĐ-KHTC ngày 27/12/2018 về việc qui định định mức học phí đối với người học có quốc tịch Lào, Campuchia.

**Điều 4.** Định mức học phí mới áp dụng từ học kỳ I năm học 2021-2022.

**Điều 5.** Các Trưởng phòng Hành chính - Quản trị, Kế hoạch - Tài chính, Công tác Sinh viên, Đào tạo; sinh viên đại học; học viên cao học; nghiên cứu sinh; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.